

XUẤT KHẨU THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG EU THÁNG 11 NĂM 2023

# VẪN TIẾP TỤC SỤT GIẢM

THÁNG 11  
**2023**

Đơn vị thực hiện:

**VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN  
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội



024. 22 205 420 - 024. 22 202 245



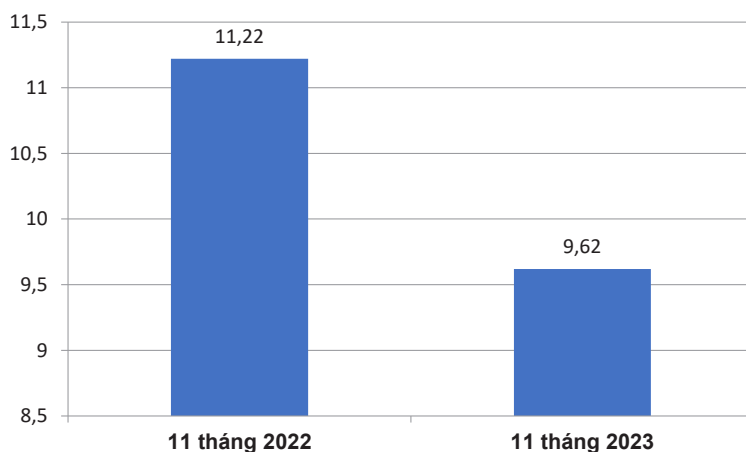
wto\_mtpd@moit.gov.vn



<https://fta.gov.vn>

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU trong tháng 11/2023 đạt 69,67 triệu USD, giảm 1,44% so với tháng 10/2023 và giảm 4,32% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 11 tháng năm 2023, Việt Nam đã xuất khẩu sang thị trường EU tổng 791,72 triệu USD mặt hàng thủy sản, giảm 30,64% so với cùng kỳ năm 2022.

#### Tỷ trọng xuất khẩu thủy sản sang EU trên tổng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2022-2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

#### 11 tháng đầu năm: Xuất khẩu thủy sản của nước ta sang Đức lớn nhất

Về cơ cấu thị trường, trong 11 năm 2023, Việt Nam xuất khẩu thủy sản sang Đức nhiều nhất khối EU với trị giá xuất khẩu đạt 13,86 triệu USD trong tháng 11/2023, giảm 15,27% so với tháng 10/2023 và giảm 11,27% so với tháng 11/2022. Lũy kế 11 tháng năm 2023, Việt Nam đã xuất khẩu sang Đức tổng 170,1 triệu USD mặt hàng thủy sản, giảm 27,41% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm tỷ trọng 21,49% trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của nước ta sang EU, cao hơn mức tỷ trọng 20,53% của cùng kỳ năm 2022.

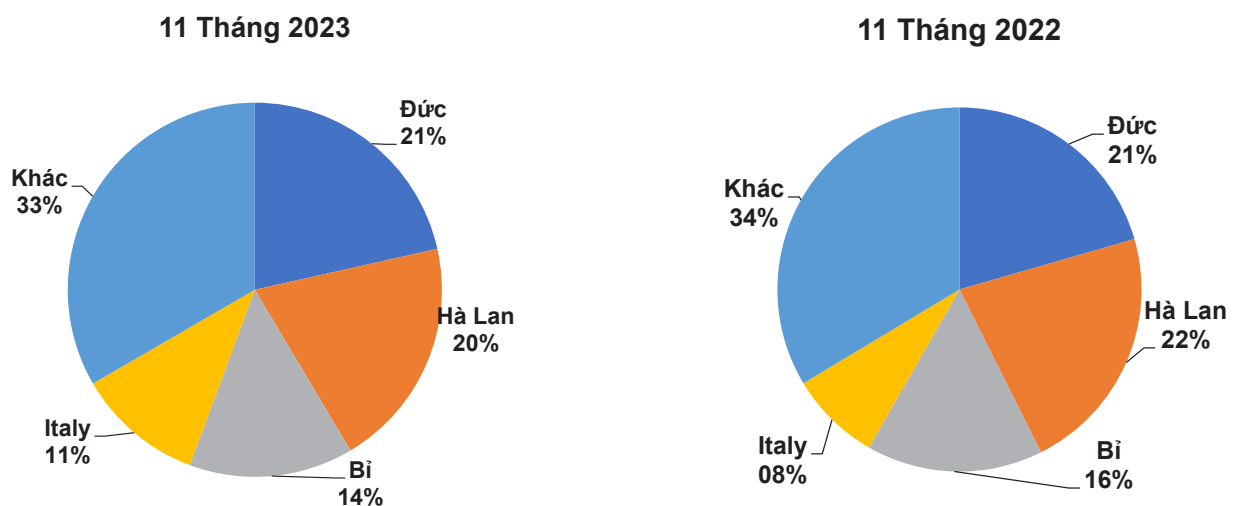
#### Thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU 11 tháng đầu năm 2023

| Tên thị trường | Tháng 11/2023<br>(Nghìn USD) | So với Tháng 10/2023 (%) | So với Tháng 11/2022 (%) | 11 Tháng 2023<br>(Nghìn USD) | So với 11 Tháng 2022 (%) | Tỷ trọng 11 tháng 2023 (%) | Tỷ trọng 11 Tháng 2022 (%) |
|----------------|------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Đức            | 13.861,00                    | -15,27                   | -11,27                   | 170.104,84                   | -27,41                   | 21,49                      | 20,53                      |
| Hà Lan         | 12.848,38                    | 9,12                     | -6,72                    | 158.090,29                   | -37,26                   | 19,97                      | 22,08                      |
| Bỉ             | 10.008,61                    | -2,42                    | -0,37                    | 112.401,30                   | -37,19                   | 14,20                      | 15,68                      |
| Italy          | 10.091,43                    | -3,27                    | 61,06                    | 86.926,97                    | -5,97                    | 10,98                      | 8,10                       |
| Pháp           | 4.917,68                     | 7,27                     | -39,84                   | 55.872,61                    | -42,96                   | 7,06                       | 8,58                       |
| Tây Ban Nha    | 4.370,38                     | -9,44                    | -7,94                    | 53.695,50                    | -31,26                   | 6,78                       | 6,84                       |

| Tên thị trường | Tháng 11/2023<br>(Nghìn USD) | So với Tháng 10/2023 (%) | So với Tháng 11/2022 (%) | 11 Tháng 2023<br>(Nghìn USD) | So với 11 Tháng 2022 (%) | Tỷ trọng 11 tháng 2023 (%) | Tỷ trọng 11 Tháng 2022 (%) |
|----------------|------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Ba Lan         | 3.845,56                     | 1,96                     | 20,45                    | 40.162,08                    | -7,16                    | 5,07                       | 3,79                       |
| Đan Mạch       | 2.798,53                     | -8,05                    | -15,74                   | 36.877,35                    | -45,78                   | 4,66                       | 5,96                       |
| Bồ Đào Nha     | 2.193,34                     | -23,33                   | -31,32                   | 30.119,63                    | -25,94                   | 3,80                       | 3,56                       |
| Romania        | 2.454,75                     | 129,82                   | 21,74                    | 21.739,51                    | -4,14                    | 2,75                       | 1,99                       |
| Thụy Điển      | 1.664,66                     | 20,64                    | -6,55                    | 17.008,13                    | -23,4                    | 2,15                       | 1,95                       |
| Hy Lạp         | 517,26                       | 109,83                   | 0,51                     | 6.577,30                     | -22,65                   | 0,83                       | 0,74                       |
| Séc            | 103,30                       | 13,16                    | -41,02                   | 2.149,66                     | -9,86                    | 0,27                       | 0,21                       |
| Tổng           | 69.674,89                    | -1,44                    | -4,32                    | 791.725,17                   | -30,64                   | 100,00                     | 100,00                     |

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

### Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản trong tháng 11 tháng năm 2023 (% tính theo trị giá, ĐVT: USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

### Tôm vẫn là chủng loại thủy sản Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang EU.

Nhìn chung, tình hình xuất khẩu tôm của Việt Nam sang EU trong năm 2023 bị chi phối nhiều bởi cạnh tranh về giá trong bối cảnh nguồn cung tôm thế giới dư thừa, giá bán hạ. Theo số liệu ước tính, đứng đầu trong nhóm chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong năm 2023 là tôm (Mã HS 030617) với kim ngạch trong năm 2023 ước đạt 233,94 triệu USD, giảm 35,24% so với năm 2022, chiếm tỷ trọng 27,09% trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của nước ta sang EU, cao hơn mức tỷ trọng 26,34% của năm 2022. Xuất khẩu tôm cũng đang chịu ảnh hưởng của sự cạnh tranh về giá do dư thừa nguồn cung tôm trên toàn cầu, dẫn đến giá bán giảm.

**Chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong năm 2023**

| Mã HS  | Ước tính năm 2023<br>(Nghìn USD) | So với năm 2022 (%) | Tỷ trọng 12 Tháng 2023<br>(%) | Tỷ trọng năm 2022 (%) |
|--------|----------------------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|
| 030617 | 233.948,53                       | -35,24              | 27,09                         | 26,34                 |
| 030462 | 155.859,85                       | -11,07              | 18,05                         | 12,78                 |
| 160529 | 106.501,76                       | -46,89              | 12,33                         | 14,62                 |
| 160414 | 86.179,04                        | 41,32               | 9,98                          | 4,45                  |
| 030487 | 66.404,23                        | -17,95              | 7,69                          | 5,90                  |
| 160521 | 57.303,01                        | -34,13              | 6,63                          | 6,34                  |
| 160556 | 57.040,36                        | -18,64              | 6,60                          | 5,11                  |
| 030743 | 29.406,54                        | -39,75              | 3,40                          | 3,56                  |
| 030499 | 13.425,48                        | 3,68                | 1,55                          | 0,94                  |
| 030471 | 10.918,94                        | 63,33               | 1,26                          | 0,49                  |
| 030489 | 9.326,94                         | -37,85              | 1,08                          | 1,09                  |
| 030722 | 8.930,24                         | -21,58              | 1,03                          | 0,83                  |
| 030324 | 8.925,62                         | -20,78              | 1,03                          | 0,82                  |
| 160420 | 7.673,89                         | 13,43               | 0,89                          | 0,49                  |
| 030752 | 7.558,99                         | -33,95              | 0,88                          | 0,83                  |
| 160419 | 6.390,54                         | 8,09                | 0,74                          | 0,43                  |
| 030342 | 6.147,56                         | 140,54              | 0,71                          | 0,19                  |
| 160510 | 4.202,44                         | -34,36              | 0,49                          | 0,47                  |
| 160554 | 4.076,17                         | -50,83              | 0,47                          | 0,60                  |
| 030559 | 3.991,40                         | 46,56               | 0,46                          | 0,20                  |
| 030323 | 3.471,16                         | -19,24              | 0,40                          | 0,31                  |
| 030389 | 3.315,77                         | 62,23               | 0,38                          | 0,15                  |
| 210390 | 2.884,96                         | 49,90               | 0,33                          | 0,14                  |
| 030483 | 2.255,62                         | 232,83              | 0,26                          | 0,05                  |
| 160555 | 1.434,30                         | -32,69              | 0,17                          | 0,16                  |
| 160416 | 1.373,41                         | 188,88              | 0,16                          | 0,03                  |
| 030481 | 995,38                           | 146,36              | 0,12                          | 0,03                  |
| 030111 | 888,37                           | -52,70              | 0,10                          | 0,14                  |
| Tổng   | 863.700,18                       | -37,03              | 100,00                        | 100,00                |

Nguồn: Số liệu ước tính của nhóm thực hiện

**Thông tin tham khảo****Một số thông tin khác về các thị trường EU nhập khẩu chính mặt hàng thủy sản trong 9 tháng đầu năm 2023**

Theo số liệu thống kê mới nhất từ Trademap, trong tháng 9/2023, thị trường Tây Ban Nha đứng đầu về trị giá nhập khẩu mặt hàng thủy sản, với mức trị giá trong tháng 9/2023 đạt 806,36 triệu USD, tăng 0,5% so với tháng trước đó nhưng giảm 7,49% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 9 tháng đầu năm, Tây Ban Nha nhập khẩu tổng 7,36 tỷ USD mặt hàng thủy sản, giảm 3,07% so với cùng kỳ năm 2022.